

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

ĐANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 1

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-001	Bùi Trần Thuý An	Nữ	22.12.2003	031303011450
2	SDH41026-002	Sầm Thị Thu An	Nữ	20.10.1992	004192009176
3	SDH41026-003	Nguyễn Minh Anh	Nữ	11.02.2000	019300005641
4	SDH41026-004	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	08.08.2003	019303007479
5	SDH41026-005	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	16.11.2003	022303004452
6	SDH41026-006	Nông Ngọc Anh	Nam	08.11.2004	004204005298
7	SDH41026-007	Nguyễn Huệ Anh	Nữ	15.09.2004	019304005759
8	SDH41026-008	Phạm Hoàng Anh	Nam	23.10.1992	019092008740
9	SDH41026-009	Nguyễn Thị Xuân Anh	Nữ	15.09.2004	001304034273
10	SDH41026-010	Giáp Minh Anh	Nam	19.10.2004	024204007237
11	SDH41026-011	Ngô Duy Anh	Nam	02.03.2003	027203001227
12	SDH41026-012	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	05.06.2003	024203003732
13	SDH41026-013	Nguyễn Nhật Anh	Nam	24.05.2003	035203002064
14	SDH41026-014	Đặng Tiến Anh	Nữ	31.10.2001	001201031546
15	SDH41026-015	Nguyễn Tú Anh	Nữ	30.03.2003	001303029614
16	SDH41026-016	Phạm Linh Anh	Nữ	23.12.2003	001303045331
17	SDH41026-017	Nguyễn Đào Phương Anh	Nữ	01.06.2003	030303012047
18	SDH41026-018	Đinh Phương Anh	Nữ	17.06.2003	019303001786
19	SDH41026-019	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	05.08.2004	001304023511
20	SDH41026-020	Lê Hoàng Anh	Nam	17.08.1987	006087000618
21	SDH41026-021	Đoàn Hoài Anh	Nữ	13.07.2004	031304005167
22	SDH41026-022	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	24.02.2004	031304016576
23	SDH41026-023	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	25.08.2004	024304011407
24	SDH41026-024	Đỗ Hồng Ánh	Nữ	09.10.2004	001304009432
25	SDH41026-025	Cao Thị Bắc	Nữ	23.09.1988	040188000673
26	SDH41026-026	Vũ Việt Bắc	Nam	22.06.1981	019081000759
27	SDH41026-027	Nguyễn Đức Bình	Nam	29.06.2003	001203048387
28	SDH41026-028	Lương Thanh Bình	Nam	08.11.2003	019203006661
29	SDH41026-029	Nguyễn Thanh Bình	Nam	15.03.2004	012204000552
30	SDH41026-030	Nguyễn Trí Bình	Nam	31.12.1998	024098009777
31	SDH41026-031	Hoàng Mi Ca	Nam	06.07.2000	024200003170
32	SDH41026-032	Trần Đức Cảnh	Nam	01.12.2003	027203003672

Ấn định danh sách có 32 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 2

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-033	Tần Tấn Cao	Nam	10.07.1990	002090006897
2	SDH41026-034	Ngô Thị Phương Chi	Nữ	15.04.1997	024197001667
3	SDH41026-035	Hoàng Thị Chiên	Nữ	19.08.1991	00291004396
4	SDH41026-036	Trần Thị Việt Chinh	Nữ	16.08.1991	019191009075
5	SDH41026-037	Đỗ Đăng Chung	Nam	05.07.2004	008204004147
6	SDH41026-038	Nông Kỳ Công	Nam	16.03.2004	006204000867
7	SDH41026-039	Nguyễn Quang Công	Nam	03.12.2004	019204001195
8	SDH41026-040	Nguyễn Bá Công	Nam	14.11.2000	019200008781
9	SDH41026-041	Nguyễn Thành Công	Nam	01.08.2001	031201003892
10	SDH41026-042	Bùi Thị Cúc	Nữ	24.02.1988	017188001686
11	SDH41026-043	Nguyễn Đức Cường	Nam	26.08.2001	019201005868
12	SDH41026-044	Nguyễn Nam Cường	Nam	02.06.1999	019099005248
13	SDH41026-045	Nguyễn Thị Dâng	Nữ	20.05.1986	006186004501
14	SDH41026-046	Đỗ Thị Dôi	Nữ	16.05.1984	031184002393
15	SDH41026-047	Lê Thị Dung	Nữ	07.12.1986	019186001301
16	SDH41026-048	Dương Thùy Dung	Nữ	25.10.1997	022197002799
17	SDH41026-049	Đỗ Kim Dung	Nữ	29.07.1988	019188010292
18	SDH41026-050	Trương Thị Thùy Dung	Nữ	11.01.1998	019198004139
19	SDH41026-051	Quách Thị Thủy Dung	Nữ	09.10.1985	006185002998
20	SDH41026-052	Trương Thùy Dung	Nữ	11.10.1993	034193001305
21	SDH41026-053	Đinh Tiến Dũng	Nữ	21.11.1996	017096006294
22	SDH41026-054	Nguyễn Văn Dũng	Nam	21.09.1995	006095002912
23	SDH41026-055	Tạ Trung Dũng	Nam	21.01.1990	019090008688
24	SDH41026-056	Nguyễn Trần Trung Dũng	Nam	27.11.2003	031203005695
25	SDH41026-057	Vũ Mạnh Dũng	Nam	19.07.2003	019203010391
26	SDH41026-058	Hà Ngọc Duy	Nữ	23.05.2001	006201002077
27	SDH41026-059	Phạm Thị Hồng Duyên	Nữ	11.04.2004	019304005525
28	SDH41026-060	Châu Thị Duyên	Nữ	04.02.1997	008197000852
29	SDH41026-061	Đỗ Thị Mai Duyên	Nữ	30.10.1984	019184008602
30	SDH41026-062	Nghiêm Thái Dương	Nam	22.08.1985	022085002902
31	SDH41026-063	Trần Thị Dương	Nữ	30.03.1987	031187011238
32	SDH41026-064	Vũ Trọng Đại	Nam	19.04.1979	034079007279
33	SDH41026-065	Kiều Thị Đào	Nữ	14.12.1990	001190022572
34	SDH41026-066	Đỗ Tiến Đạt	Nam	06.03.1988	002088010543
35	SDH41026-067	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	10.10.1985	033185001604
36	SDH41026-068	Hoàng Minh Diệp	Nam	04.11.1986	015086011192

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

ĐANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 3

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-069	Ngô Quang Định	Nam	18.01.1982	036082023681
2	SDH41026-070	Triệu Văn Đô	Nam	20.06.2004	020204000902
3	SDH41026-071	Trần Minh Đức	Nam	06.04.2004	035204002156
4	SDH41026-072	Trịnh Minh Đức	Nam	26.07.1997	002097000250
5	SDH41026-073	Nguyễn Minh Đức	Nam	17.11.2001	038201023211
6	SDH41026-074	Trần Văn Đức	Nam	06.02.1981	025081000170
7	SDH41026-075	Trần Phương Giang	Nữ	19.01.1994	024194005426
8	SDH41026-076	Lý Hà Giang	Nữ	20.09.2001	002301008033
9	SDH41026-077	Vũ Thị Giang	Nữ	04.02.1994	037194004652
10	SDH41026-078	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	04.12.1990	019190009324
11	SDH41026-079	Lưu Hoàng Giang	Nam	08.02.1981	038081016203
12	SDH41026-080	Ma Thế Giáp	Nam	13.08.2004	004204000395
13	SDH41026-081	Đỗ Thu Hà	Nữ	23.09.1996	019196005727
14	SDH41026-082	Nông Thị Thu Hà	Nữ	01.03.2004	020304001840
15	SDH41026-083	Ngô Thị Mỹ Hà	Nữ	04.11.2004	024304002431
16	SDH41026-084	Phan Thị Thu Hà	Nữ	03.08.1986	002186000928
17	SDH41026-085	Nguyễn Khắc Hà	Nam	27.03.1978	030078009577
18	SDH41026-086	Vũ Thu Hà	Nữ	07.06.1999	001199000284
19	SDH41026-087	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	21.12.1986	006186000284
20	SDH41026-088	Bùi Thị Bảo Hà	Nữ	04.03.1988	031188004663
21	SDH41026-089	Ngô Thu Hà	Nữ	26.12.2002	019302009764
22	SDH41026-090	Vũ Việt Hà	Nam	09.12.1978	001078000221
23	SDH41026-091	Nguyễn Thanh Hải	Nam	29.08.2003	024203001817
24	SDH41026-092	Lù Minh Hải	Nam	02.07.2004	012204001548
25	SDH41026-093	Trương Thị Hải	Nữ	17.02.1985	006185000478
26	SDH41026-094	Phạm Thị Hạnh	Nữ	26.07.1992	006192002149
27	SDH41026-095	Lê Thị Bích Hạnh	Nữ	04.06.1983	010183003286
28	SDH41026-096	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	11.11.1979	033179004930
29	SDH41026-097	Phan Hồng Hạnh	Nữ	12.09.2002	019302007057
30	SDH41026-098	Trịnh Hồng Hạnh	Nữ	15.12.1988	031188003254
31	SDH41026-099	Phạm Thị Hào	Nữ	23.10.2003	031303011399
32	SDH41026-100	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	02.06.1998	024198012928
33	SDH41026-101	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04.05.2004	030304004994
34	SDH41026-102	Ngô Thanh Hằng	Nữ	07.10.2004	034304014447
35	SDH41026-103	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	30.09.2004	027304005788
36	SDH41026-104	Chu Thị Thúy Hằng	Nữ	18.07.1986	019186002712

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 4

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-105	Trần Thị Hằng	Nữ	06.01.1988	008188002176
2	SDH41026-106	Phí Thị Thu Hằng	Nữ	04.05.1997	001197029764
3	SDH41026-107	Nguyễn Vũ Thu Hằng	Nữ	15.01.1998	022198008215
4	SDH41026-108	Đinh Thị Ngọc Hằng	Nữ	01.05.1989	034189007666
5	SDH41026-109	Mai Thị Hằng	Nữ	01.12.1982	038182032299
6	SDH41026-110	Dương Thị Thu Hằng	Nữ	17.07.1990	031190001797
7	SDH41026-111	Hồ Minh Hằng	Nữ	05.07.2000	019300008263
8	SDH41026-112	Lữ Thị Hân	Nữ	10.03.1991	004191007197
9	SDH41026-113	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	20.04.2004	019304009864
10	SDH41026-114	Phạm Thu Hiền	Nữ	18.09.2001	008301000528
11	SDH41026-115	Trần Thanh Hiền	Nữ	13.11.2004	019304005771
12	SDH41026-116	Bùi Phương Hiền	Nữ	22.06.1987	006187005511
13	SDH41026-117	Vũ Thu Hiền	Nữ	27.06.1992	010192000421
14	SDH41026-118	Trần Thị Hiền	Nữ	19.12.1988	008188005131
15	SDH41026-119	Phạm Thị Hiền	Nữ	08.07.1986	010186006749
16	SDH41026-120	Tạ Thị Phương Hiền	Nữ	25.12.2002	019302000398
17	SDH41026-121	Đỗ Thị Vân Hiền	Nữ	03.02.1988	031188006611
18	SDH41026-122	Lý Văn Hiền	Nam	22.04.1981	019081000720
19	SDH41026-123	Mai Thế Hiệp	Nam	27.10.1985	019085005464
20	SDH41026-124	Ngô Thị Hiệp	Nữ	20.05.1997	024197002802
21	SDH41026-125	Nguyễn Bá Hiếu	Nam	23.03.2001	027201006770
22	SDH41026-126	Hoàng Trọng Hiệu	Nam	25.10.1995	010095002647
23	SDH41026-127	Trần Thị Ngọc Hoa	Nữ	17.10.2002	008302004615
24	SDH41026-128	Bùi Thị Khánh Hoà	Nữ	05.12.2001	001301014710
25	SDH41026-129	Bùi Xuân Hoà	Nam	01.08.1979	036079006721
26	SDH41026-130	Đồng Quang Hoà	Nam	02.05.1983	006083000396
27	SDH41026-131	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Nữ	26.06.2000	037300010937
28	SDH41026-132	Lưu Thị Hòa	Nữ	17.02.1992	002192008634
29	SDH41026-133	Nông Thanh Hoài	Nữ	13.03.1995	019195004605
30	SDH41026-134	Đinh Thu Hoài	Nữ	16.07.1984	010184001250
31	SDH41026-135	Đỗ Văn Hoàn	Nam	11.10.1976	031076005536
32	SDH41026-136	Triệu Thị Hoàng	Nữ	30.12.1984	006184005334
33	SDH41026-137	Lê Đình Hoàng	Nam	03.02.1998	019098000360
34	SDH41026-138	Nguyễn Đình Hoàng	Nam	26.07.1996	019096008174
35	SDH41026-139	Bùi Xuân Hoàng	Nam	09.08.1992	024092003458
36	SDH41026-140	Dương Minh Hồng	Nữ	02.09.1989	006189002473

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 5

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-141	Hoàng Thúy Hồng	Nữ	17.03.1994	008194010518
2	SDH41026-142	Trần Thị Hồng	Nữ	20.06.1989	010189001133
3	SDH41026-143	Vũ Thị Hồng	Nữ	07.03.1984	008984008033
4	SDH41026-144	Đỗ Thị Hồng	Nữ	26.10.1981	034181019528
5	SDH41026-145	Phạm Hoàng Ngọc Huệ	Nữ	24.04.1981	010181005397
6	SDH41026-146	Hà Thị Huệ	Nữ	08.07.1978	004178000976
7	SDH41026-147	Phùng Thị Huệ	Nữ	28.06.1976	031176017200
8	SDH41026-148	Hoàng Minh Huệ	Nữ	17.04.1977	001177033099
9	SDH41026-149	Nguyễn Thu Huệ	Nữ	16.10.1999	002199000299
10	SDH41026-150	Phạm Thị Huệ	Nữ	24.08.1987	031187023301
11	SDH41026-151	Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ	Nữ	16.08.1979	001179047808
12	SDH41026-152	Nguyễn Văn Hùng	Nam	01.01.1984	006084003837
13	SDH41026-153	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	11.06.1982	024082003591
14	SDH41026-154	Nguyễn Đỗ Kiên Hùng	Nam	06.09.2002	019202002238
15	SDH41026-155	Trần Mạnh Hùng	Nam	19.10.1986	033086004898
16	SDH41026-156	Hoang Thi Thanh Huong	Nữ	25.08.1987	001187043889
17	SDH41026-157	Tạ Quang Huy	Nam	30.10.2004	019204001961
18	SDH41026-158	Nguyễn Đắc Huy	Nam	04.07.2003	036203003397
19	SDH41026-159	Trần Thị Huyền	Nữ	10.10.1988	024188013753
20	SDH41026-160	Doãn Thu Huyền	Nữ	28.11.2004	035304003747

Ấn định danh sách có 20 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 6

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-161	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	22.06.1996	034196004216
2	SDH41026-162	Đoàn Ngọc Huyền	Nữ	27.10.2004	012304000010
3	SDH41026-163	Doãn Thị Huyền	Nữ	15.04.1995	001195037943
4	SDH41026-164	Bế Thu Huyền	Nữ	28.01.2002	006302004106
5	SDH41026-165	Vì Thị Huyền	Nữ	31.03.1986	006186000281
6	SDH41026-166	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	20.12.2001	019301002609
7	SDH41026-167	Bùi Thu Huyền	Nữ	24.08.1990	031190001607
8	SDH41026-168	Nguyễn Văn Hưng	Nam	09.04.1994	019094007111
9	SDH41026-169	Dương Quốc Hưng	Nam	11.04.1995	019095011832
10	SDH41026-170	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	28.07.2004	019304007604
11	SDH41026-171	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	23.06.1999	001199020330
12	SDH41026-172	Lưu Thị Hương	Nữ	17.06.1989	019189011276
13	SDH41026-173	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	17.11.1996	031196004032
14	SDH41026-174	Lê Thị Hương	Nữ	20.09.1990	031190024830
15	SDH41026-175	Phùng Lan Hương	Nữ	11.05.1984	019184008126
16	SDH41026-176	Nguyễn Thanh Hương	Nữ	04.12.1997	034197005548
17	SDH41026-177	Ma Đình Khải	Nam	25.03.2002	019202004927
18	SDH41026-178	Vũ Ngọc Khang	Nam	09.03.1993	036093024841
19	SDH41026-179	Nguyễn Quang Khánh	Nam	16.06.2004	019204001036
20	SDH41026-180	Đàm Bá Khánh	Nam	07.09.2003	030203005609
21	SDH41026-181	Nguyễn Tuấn Khiêm	Nam	18.07.2003	006203000564
22	SDH41026-182	Vũ Đăng Khiêm	Nam	22.04.1998	019098005701
23	SDH41026-183	Đào Thiện Khiêm	Nam	07.05.1979	034079021290
24	SDH41026-184	Nghiêm Đăng Khoa	Nam	03.03.2003	019203006561
25	SDH41026-185	Trần Nguyên Khôi	Nam	26.03.1995	019095001382
26	SDH41026-186	Nguyễn Ngọc Khuê	Nam	10.12.1993	024093010834
27	SDH41026-187	Hoàng Thị Minh Khuê	Nữ	24.07.2003	024303000605
28	SDH41026-188	Nguyễn Tiến Khuê	Nam	28.04.1979	006079000112
29	SDH41026-189	Phạm Trung Kiên	Nam	27.10.2004	001204042457
30	SDH41026-190	Nguyễn Đức Kiên	Nam	12.09.2001	019201000640
31	SDH41026-191	Cao Thế Kiên	Nam	14.09.2004	030204012892
32	SDH41026-192	Nguyễn Trung Kiên	Nam	05.11.1980	011080004477
33	SDH41026-193	Nguyễn Duy Kiên	Nam	12.10.1994	019094003168
34	SDH41026-194	Nguyễn Trung Kiên	Nam	20.12.2003	006203004639
35	SDH41026-195	Cao Khang Kiệt	Nam	17.06.2004	019204004292
36	SDH41026-196	Lã Dương Kiều	Nam	18.04.2004	001204031474

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

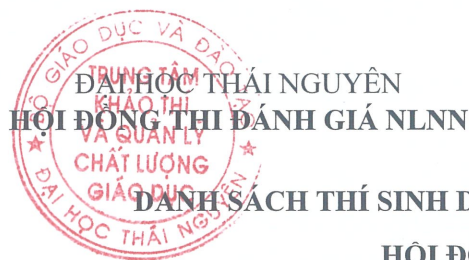
Phòng thi: 7

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-197	Lường Cao Kỳ	Nam	31.07.2001	006201002996
2	SDH41026-198	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	07.09.1993	034193005728
3	SDH41026-199	Phùng Thị Lan	Nữ	12.07.1991	006191000189
4	SDH41026-200	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Nữ	16.03.1991	004191001160
5	SDH41026-201	Nguyễn Thị Hà Lan	Nữ	14.06.1987	001187026275
6	SDH41026-202	Lê Thị Mai Lan	Nữ	12.12.2003	033303002364
7	SDH41026-203	Trần Thị Bích Lệ	Nữ	26.09.1985	015185006715
8	SDH41026-204	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	17.07.1981	015181001337
9	SDH41026-205	Phan Hoàng Mỹ Linh	Nữ	11.07.1996	040196000005
10	SDH41026-206	Tạ Phương Linh	Nữ	11.08.2002	001302012518
11	SDH41026-207	Vũ Phương Linh	Nữ	30.10.2003	001303014108
12	SDH41026-208	Trần Diệu Linh	Nữ	29.06.2002	026302002405
13	SDH41026-209	Vi Hoàng Diệu Linh	Nữ	02.10.1982	019182001848
14	SDH41026-210	Hoàng Thuý Linh	Nữ	22.06.1990	014190000610
15	SDH41026-211	Vũ Khánh Linh	Nữ	22.01.2003	010303003754
16	SDH41026-212	Đỗ Mai Linh	Nữ	13.12.2003	019303003686
17	SDH41026-213	Bùi Thị Khánh Linh	Nữ	18.03.2004	034304010493
18	SDH41026-214	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	03.10.1993	034193004013
19	SDH41026-215	Đỗ Thị Bích Loan	Nữ	25.09.1997	019197003957
20	SDH41026-216	Nguyễn Hoàng Long	Nam	12.01.2001	027201005531
21	SDH41026-217	Âu Thành Luân	Nam	03.06.1983	006083004619
22	SDH41026-218	Lục Anh Luận	Nam	09.12.1983	006083000529
23	SDH41026-219	Trịnh Đức Lương	Nam	23.12.2000	019200007913
24	SDH41026-220	Nguyễn Hương Ly	Nữ	26.09.2004	001304049776
25	SDH41026-221	Đoàn Lưu Ly	Nữ	09.12.2003	019303010533
26	SDH41026-222	Nguyễn Thị Lý	Nữ	26.03.1988	017188008399
27	SDH41026-223	Nguyễn Thị Minh Lý	Nữ	30.08.1981	001181017150
28	SDH41026-224	Mùa Thị Sú Mai	Nữ	18.12.2004	014304002559
29	SDH41026-225	Nguyễn Thị Mai	Nữ	11.10.1988	019188007872
30	SDH41026-226	Giàng Thị Mai	Nữ	12.06.1991	002191005750
31	SDH41026-227	Liều Hùng Mạnh	Nam	06.05.1984	019084000597
32	SDH41026-228	Nguyễn Trần Đức Mạnh	Nam	27.11.2003	031203005694
33	SDH41026-229	Nguyễn Đình Mão	Nam	23.12.1987	034087005199
34	SDH41026-230	Trần Thị Mây	Nữ	03.01.1983	034183006986
35	SDH41026-231	Ma Thị Mến	Nữ	19.07.1988	019188006323
36	SDH41026-232	Phan Văn Minh	Nam	05.10.1994	026094010673

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

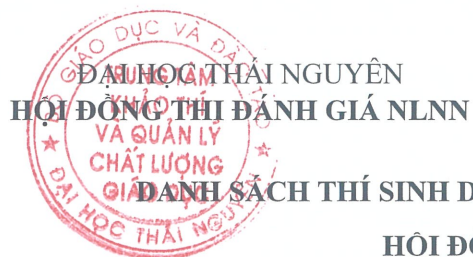
Phòng thi: 8

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-233	Hoàng Nhật Minh	Nam	04.10.2004	019204005108
2	SDH41026-234	Nguyễn Thị Hoàng Minh	Nữ	15.04.1990	001190038392
3	SDH41026-235	Đinh Tiến Minh	Nam	24.09.2004	010204009123
4	SDH41026-236	Hoàng Thị Trà My	Nữ	19.03.1992	019192010591
5	SDH41026-237	Đinh Huyền My	Nữ	26.11.1992	017192005619
6	SDH41026-238	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	17.07.2004	027304007417
7	SDH41026-239	Đỗ Hà My	Nữ	28.12.2003	001303015222
8	SDH41026-240	Trịnh Hoàn Mỹ	Nữ	10.12.2004	033304001365
9	SDH41026-241	Vũ Ngọc Nam	Nam	19.10.1987	036087012399
10	SDH41026-242	Vũ Nhật Nam	Nam	12.12.1988	031088005882
11	SDH41026-243	Nguyễn Thành Nam	Nam	07.01.2002	019202004851
12	SDH41026-244	Vũ Phương Ngân	Nữ	13.10.2001	027301003493
13	SDH41026-245	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	23.10.1997	030197001165
14	SDH41026-246	Nguyễn Thị Ngoan	Nữ	05.11.1993	027193001788
15	SDH41026-247	Nguyễn Thị ánh Ngọc	Nữ	26.07.2003	015303000532
16	SDH41026-248	Bùi Bảo Ngọc	Nam	26.12.2004	017204003230
17	SDH41026-249	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	21.09.1989	019189013691
18	SDH41026-250	Nông Văn Nguyên	Nam	17.09.1976	006076002597
19	SDH41026-251	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Nữ	07.10.1983	006183005006
20	SDH41026-252	Đỗ Tuấn Nhã	Nam	12.07.1986	001086008123
21	SDH41026-253	Nguyễn Hà Nhật	Nữ	29.06.2003	001303003411
22	SDH41026-254	Vũ Yến Nhi	Nữ	17.01.2004	030304012442
23	SDH41026-255	Quan Tiến Nhiệm	Nam	15.03.1980	006080000139
24	SDH41026-256	Tạ Thục Nhu	Nữ	05.01.2003	031303010479
25	SDH41026-257	Võ Trần Cẩm Nhung	Nữ	18.03.2002	019302000392
26	SDH41026-258	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	19.12.1994	022194005501
27	SDH41026-259	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	12.10.2004	019304006304
28	SDH41026-260	Vũ Thị Nhung	Nữ	18.01.1991	019191013052
29	SDH41026-261	Nguyễn Thị Kim Nhung Nhung	Nữ	24.03.1980	001180037857
30	SDH41026-262	Vũ Thị Tuyết Nhung	Nữ	18.12.1978	001178004857
31	SDH41026-263	Bùi Hồng Nhung	Nữ	22.07.2004	031304006860
32	SDH41026-264	Đinh Thị Nhung	Nữ	01.10.1984	001184017932
33	SDH41026-265	Lê Thị Hồng Như	Nữ	30.01.2004	022304003950
34	SDH41026-266	Trần Thị Như	Nữ	18.06.2001	019301000556
35	SDH41026-267	Nguyễn Hải Ninh	Nam	12.02.1979	022079005305
36	SDH41026-268	Lương Hà Ninh	Nữ	16.08.1982	031182004166

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

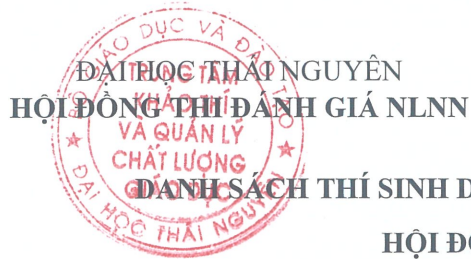
Phòng thi: 9

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-269	Hoàng Kiều Oanh	Nữ	20.10.2004	019304008329
2	SDH41026-270	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	14.10.2004	019304003143
3	SDH41026-271	Vũ Văn Phách	Nam	16.04.2002	033202001434
4	SDH41026-272	Nguyễn Trường Phúc	Nam	22.09.2004	025204000919
5	SDH41026-273	Trần Thanh Phương	Nữ	29.10.2004	001304041123
6	SDH41026-274	Ngô Thị Bình Phương	Nữ	30.08.2003	006303000550
7	SDH41026-275	Trần Thị Hoài Phương	Nữ	21.08.2000	019300008951
8	SDH41026-276	Nguyễn Thu Phương	Nữ	16.08.1990	031190007329
9	SDH41026-277	Trần Thị Thu Phương	Nữ	18.05.1992	042192017383
10	SDH41026-278	Trần Bích Phương	Nữ	11.01.1988	006188004930
11	SDH41026-279	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10.10.2004	040304009194
12	SDH41026-280	Phạm Văn Quang	Nam	28.10.1996	006096004703
13	SDH41026-281	Dương Bảo Quốc	Nam	25.04.1994	015094006554
14	SDH41026-282	Hoàng Thanh Quý	Nữ	18.04.1985	019185011621
15	SDH41026-283	Nguyễn Quốc Quyền	Nam	07.01.1988	002088004690
16	SDH41026-284	Đinh Thanh Quyết	Nam	30.11.1983	037083002853
17	SDH41026-285	Hà Ngọc Quỳnh	Nữ	22.06.1992	019192004878
18	SDH41026-286	Lê Diễm Quỳnh	Nữ	26.03.2002	006302000197
19	SDH41026-287	Nghiêm Như Quỳnh	Nữ	15.08.2003	001303036226
20	SDH41026-288	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	29.10.2002	024302007583

Ấn định danh sách có 20 thí sinh./



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 10

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-289	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	01.10.2004	019304002898
2	SDH41026-290	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Nữ	14.12.2003	031303009024
3	SDH41026-291	Hà Thúy Quỳnh	Nữ	01.10.2003	017303005509
4	SDH41026-292	Đỗ Thị Thu Sang	Nữ	25.08.1985	025185014025
5	SDH41026-293	Ma Phúc Sáng	Nam	04.05.2003	019203008115
6	SDH41026-294	Trần Thị Sinh	Nữ	23.08.1988	025188018093
7	SDH41026-295	Triệu Hứa Giáng Sơn	Nữ	09.01.1996	019196010530
8	SDH41026-296	Triệu Hứa Giáng Sơn	Nữ	09.01.1996	019196010530
9	SDH41026-297	Phạm Tô Minh Sơn	Nam	23.03.2000	002200003690
10	SDH41026-298	Nguyễn Đức Tài	Nam	20.04.2004	001204002018
11	SDH41026-299	Nguyễn Thành Lâm	Nam	25.07.1982	037082007662
12	SDH41026-300	Nguyễn Thị Tầm	Nữ	22.10.1988	019188001283
13	SDH41026-301	Lê Trọng Tấn	Nam	08.07.1981	001081006940
14	SDH41026-302	Bùi Đình Thái	Nam	12.11.1987	024087020405
15	SDH41026-303	Đoàn Hồng Thái	Nam	06.04.1981	031081005540
16	SDH41026-304	Đoàn Hồng Thái	Nam	06.04.1981	031081005540
17	SDH41026-305	Dương Ngọc Thanh	Nam	21.10.1989	019089003990
18	SDH41026-306	Vũ Thị Thanh	Nữ	27.01.2003	031303009690
19	SDH41026-307	Trần Đức Thành	Nữ	25.12.1997	019097010314
20	SDH41026-308	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	21.09.1998	019198003102

Ấn định danh sách có 20 thí sinh./



HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

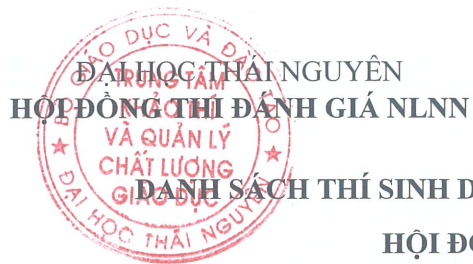
Phòng thi: 11

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-309	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	20.10.1983	040183004923
2	SDH41026-310	Vi Thị Thạch Thảo	Nữ	16.06.1993	019193000075
3	SDH41026-311	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	05.10.2004	040304006573
4	SDH41026-312	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	19.11.1992	019192010160
5	SDH41026-313	Tạ Phương Thảo	Nữ	13.07.1999	019199007580
6	SDH41026-314	Vũ Thị Bích Thảo	Nữ	21.06.2004	019304007363
7	SDH41026-315	Đỗ Phương Thảo	Nữ	25.11.2003	038303018231
8	SDH41026-316	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	04.01.2001	019301005851
9	SDH41026-317	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	15.08.2000	031300004660
10	SDH41026-318	Tàng Thị Thắm	Nữ	22.08.2001	024301009476
11	SDH41026-319	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	30.10.1984	001184006232
12	SDH41026-320	Nguyễn Tiến Thắng	Nam	24.11.1978	015078007840
13	SDH41026-321	Hà Mạnh Thắng	Nam	22.12.1993	019093003639
14	SDH41026-322	Chu Đỗ Thắng	Nam	18.05.2001	019201002537
15	SDH41026-323	Hoàng Thị Thi	Nữ	17.07.1992	002192004491
16	SDH41026-324	Vũ Văn Thịnh	Nam	18.09.2000	019200000122
17	SDH41026-325	Trần Thị Kim Thoa	Nữ	28.08.1984	034184001992
18	SDH41026-326	Đồng Thị Thơm	Nữ	14.04.1983	006183000816
19	SDH41026-327	Lý Minh Thu	Nữ	28.06.1990	019190007768
20	SDH41026-328	Hoàng Văn Thuận	Nam	14.10.1990	006090000138
21	SDH41026-329	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	31.07.1994	036194021347
22	SDH41026-330	Nông Thị Thuý	Nữ	24.03.1982	006182003963
23	SDH41026-331	Hà Thu Thủy	Nữ	13.09.1995	024195005761
24	SDH41026-332	Bùi Thu Thủy	Nữ	04.08.1989	033189015478
25	SDH41026-333	Hà Thị Thủy	Nữ	23.02.1988	004188009756
26	SDH41026-334	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	25.01.1989	031189005008
27	SDH41026-335	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	20.07.1995	001195018160
28	SDH41026-336	Trần Thị Ngọc Thúy	Nữ	07.06.1990	019190014330
29	SDH41026-337	Hoàng Thị Thúy Thúy	Nữ	19.08.1990	033190007690
30	SDH41026-338	Lê Anh Thư	Nữ	29.10.2003	031303010395
31	SDH41026-339	Đèo Văn Tiến	Nam	25.07.1982	011082001575
32	SDH41026-340	Hoàng Lương Tiến	Nam	10.12.2003	008203003157
33	SDH41026-341	Lã Thị Tiến	Nữ	08.12.1987	019187006947
34	SDH41026-342	Đỗ Thế Toàn	Nam	10.09.2004	024204001786
35	SDH41026-343	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam	02.10.1978	026078004248
36	SDH41026-344	Nguyễn Văn Tới	Nam	22.08.2004	001204008796

Ấn định danh sách có 36 thí sinh./



HỢP ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NLNN

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 12

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-345	Nguyễn Thị Trà	Nữ	30.01.1993	019193001372
2	SDH41026-346	Lê Thị Trà	Nữ	15.11.1982	034182011478
3	SDH41026-347	Nguyễn Nam Trà	Nam	04.11.1979	036079011589
4	SDH41026-348	Nguyễn Như Trà	Nữ	15.11.2002	001302008765
5	SDH41026-349	Lê Thúy Kiều Trang	Nữ	06.10.2003	019303001057
6	SDH41026-350	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	27.03.2003	034303000911
7	SDH41026-351	Trần Thùy Trang	Nữ	05.11.1991	010191006198
8	SDH41026-352	Triệu Thị Quỳnh Trang	Nữ	22.12.1984	006184004710
9	SDH41026-353	Nguyễn Thu Trang	Nữ	05.08.2004	019304000872
10	SDH41026-354	Nguyễn Anh Trang	Nữ	01.01.1990	004190007752
11	SDH41026-355	Nguyễn Thị Diễm Trang	Nữ	13.04.1999	019199007116
12	SDH41026-356	Phạm Thu Trang	Nữ	02.05.2001	019301006799
13	SDH41026-357	Trần Thị Trang	Nữ	23.09.1988	031188008829
14	SDH41026-358	Trần Văn Trung	Nữ	26.04.1985	019085000625
15	SDH41026-359	Nguyễn Chí Trung	Nam	12.10.1985	010085004452
16	SDH41026-360	Nguyễn Quang Trung	Nam	16.02.1992	001092007717
17	SDH41026-361	Nguyễn Mạnh Trường	Nam	25.06.1983	022083000257
18	SDH41026-362	Trần Xuân Trường	Nam	15.09.2003	019203011068
19	SDH41026-363	Đỗ Minh Trường	Nam	01.11.1980	031080001275
20	SDH41026-364	Thân Ngọc Tú	Nam	10.02.1886	038086033877

Ấn định danh sách có 20 thí sinh./



HỘI ĐỒNG THI NGÀY 4/10/2026

Phòng thi: 13

Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Ca thi : Sáng

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/HC
1	SDH41026-365	Nguyễn Trần Anh Tú	Nam	22.10.2002	019202003315
2	SDH41026-366	Vũ Ngọc Tuấn	Nam	15.07.1982	002082004791
3	SDH41026-367	Lê Thanh Tuấn	Nam	16.08.1981	006081000139
4	SDH41026-368	Phạm Anh Tuấn	Nam	08.07.1984	037084007370
5	SDH41026-369	Tổng Viết Tuấn	Nam	07.12.2004	019204001369
6	SDH41026-370	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	10.11.2003	019203008735
7	SDH41026-371	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	25.08.1987	001087054284
8	SDH41026-372	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	29.08.1983	019083005991
9	SDH41026-373	Nguyễn Hà Minh Tuấn	Nam	26.10.2002	006202000613
10	SDH41026-374	Đào Trung Tuấn	Nam	11.08.1989	004089008158
11	SDH41026-375	Phạm Văn Uyên	Nữ	25.11.1984	031084015719
12	SDH41026-376	Ngô Xuân Tuyên	Nam	27.10.2002	031202006257
13	SDH41026-377	Bùi Kim Tuyên	Nam	18.04.1980	006080003003
14	SDH41026-378	Đồng Thị Ánh Tuyết	Nữ	08.06.1989	022189009740
15	SDH41026-379	Thân Thị Ngọc Tuyết	Nữ	06.08.2004	024304001588
16	SDH41026-380	Vương Thị Tươi	Nữ	27.06.1997	02197000222
17	SDH41026-381	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	25.08.1991	024191014714
18	SDH41026-382	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	16.09.1994	019194011365
19	SDH41026-383	Nguyễn Thu Uyên	Nữ	09.02.2003	019303009769
20	SDH41026-384	Phạm Lâm Uyên	Nữ	02.03.2004	019304000944
21	SDH41026-385	Nguyễn Thị Kim Vân	Nữ	05.08.1988	019188005465
22	SDH41026-386	Dương Thị Vân	Nữ	12.01.2004	019304005909
23	SDH41026-387	Đặng Thị Hồng Vân	Nữ	02.10.1991	033191011775
24	SDH41026-388	Lê Thị Tường Vi	Nữ	20.08.1985	019185001171
25	SDH41026-389	Cần Hà Vi	Nữ	13.05.2004	001304046955
26	SDH41026-390	Nguyễn Hà Vi	Nữ	06.05.2004	008304004372
27	SDH41026-391	Bùi Công Việt	Nam	24.04.1985	036085022728
28	SDH41026-392	Nguyễn Quốc Việt	Nam	07.04.2003	001203048101
29	SDH41026-393	Phạm Vũ Việt	Nam	12.01.2003	031203000132
30	SDH41026-394	Mùa A Xu	Nam	10.03.2004	015204003876
31	SDH41026-395	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nữ	11.05.1986	035186004427
32	SDH41026-396	Trần Thị Hải Yến	Nữ	23.06.1984	010184001251
33	SDH41026-397	Trương Thị Hải Yến	Nữ	29.12.1982	033182006506
34	SDH41026-398	Phạm Thị Yến Yến	Nữ	15.11.1991	031191023855
35	SDH41026-399	Hoàng Thị Yến	Nữ	19.08.1984	019184008916

Ấn định danh sách có 35 thí sinh./